

XẾP HẠNG

GIỮ

Giá đóng cửa 1/4/2024	₫32.850
Giá mục tiêu 12 tháng	₫33.500
Lợi nhuận kỳ vọng	1,8%

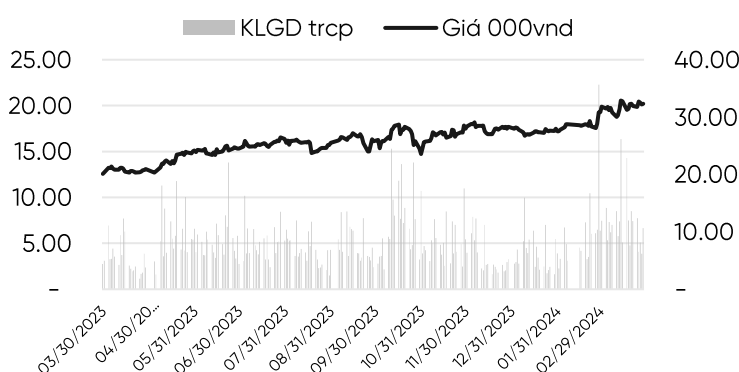
CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ

ROE (%)	ROA(%)
3.6%	2.5%
EPS (VNĐ/cổ phiếu)	BVPS (VNĐ/cổ phiếu)
1.041	25.920
P/E (lần)	P/B (lần)
31.6	1.25

THÔNG TIN GIAO DỊCH

Mã giao dịch	HSX: PVD
KLGD TB 52 tuần (trcp)	5,20
Khối lượng lưu hành (trcp)	555,88
Biên độ 52 tuần	20.100 ₫ - 32.900 ₫
Vốn hóa doanh nghiệp (tỷ VNĐ)	14.435
Beta	1.34

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU PVD



THÔNG TIN CẬP NHẬT

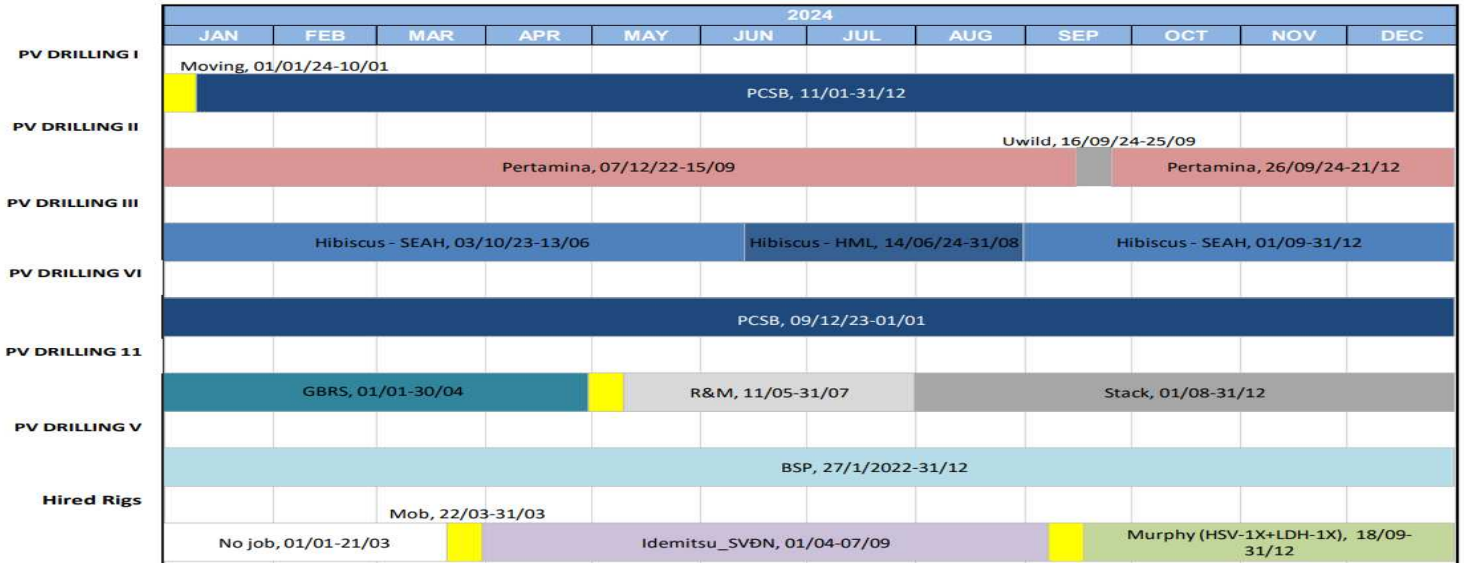
I. Kết quả kinh doanh năm 2023

- Năm 2023 Doanh thu đạt 5.810 tỷ đồng, (+7% yoy), doanh thu lĩnh vực cho thuê giàn khoan đạt 4.037 tỷ đồng, (+14% yoy), lĩnh vực kỹ thuật giếng khoan đạt 1.575 tỷ đồng (-12% yoy). Lợi nhuận gộp đạt 1.300 tỷ đồng (+125% yoy), chủ yếu nhờ lợi nhuận gộp từ hoạt động cho thuê giàn khoan đạt 855 tỷ đồng (+574% yoy), hoạt động kỹ thuật giếng khoan cơ bản ổn định tương đương năm 2022. Lợi nhuận trước thuế đạt 655 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức lỗ 138 tỷ đồng của năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 540 tỷ đồng.
- Kết thúc năm 2023, dư nợ vay ngắn hạn còn 553 tỷ đồng (-34%) và 2.788 tỷ đồng nợ dài hạn (-7.1%). Nợ dài hạn chủ yếu để đầu tư các giàn khoan của công ty các năm trước đây. Vốn chủ sở hữu đạt 14.894 tỷ đồng (+5.8%) và chiếm 68.8% Tổng Nguồn vốn.

II. Triển vọng hoạt động 2024-2025 của PVD

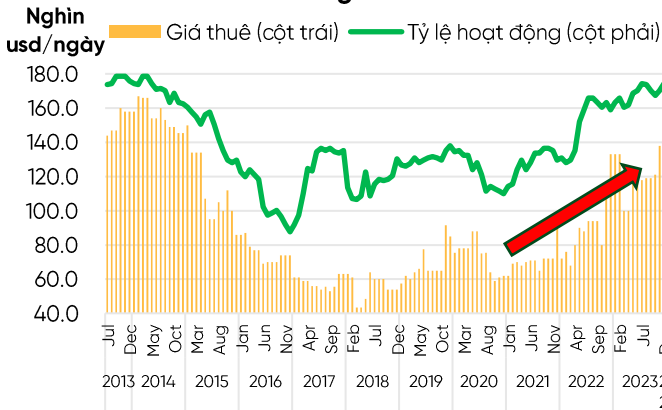
- Các giàn khoan cơ bản đã có việc làm hết năm 2024 và 2025 đều ở các thị trường nước ngoài, trong khu vực Đông Nam Á. Giá cho thuê năm 2024 trung bình ở mức tối thiểu 90.000 usd/ngày, tăng 14 % so với mức trung bình năm 2023 là 78.700 usd/ngày. Hiện giá cho thuê giàn khoan trong khu vực đã có lúc đạt đến 150.000 usd/ngày. Các hợp đồng thuê trong năm 2024 của PVD đã ký thời điểm cuối năm 2023. **Chúng tôi đánh giá mức trung bình cả năm 2024 của PVD có thể đạt 95.000-100.000 usd/ngày, tăng 21%-27% so với 2023.**
- Giàn khoan PVD5 TAD vẫn hoạt động ổn định với hợp đồng cho Shell Brunei với giá 90.000 usd/ngày (với giàn này giá thị trường hiện tại là khoảng 150.000 usd/ngày), chưa đạt điểm hòa vốn. Công ty cũng đang thương thảo với khách hàng về việc xem xét tăng giá cho thuê, nhưng khả năng đạt được là không nhiều. Chủ thuê có thể hỗ trợ bằng các hình thức khen thưởng hoàn thành công việc tốt. Giàn khoan đất liền PVD11 có hợp đồng làm việc đến hết tháng 7.2024, công ty đang tìm kiếm hợp đồng mới cho hết năm 2024 và năm 2025.
- Giàn thuê ngoài:** Trong năm 2024 sẽ thuê thêm 01 giàn khoan bên ngoài để cung cấp cho các dự án khoan trong nước, thời gian thực hiện khoảng 08 tháng, từ tháng 4-12/2024. Khoan cho dự án của Idenmitsu (Sao vàng Đại nguyệt) và Murphy.
- Kế hoạch đầu tư thêm 01 giàn khoan JackUp mới:** dự kiến giá trị đầu tư giàn mới là khoảng 90 triệu usd, (bao gồm: giá mua giàn là 65 triệu usd và 25 triệu usd để cải tạo sửa chữa và chạy thử). Cơ cấu vốn đầu tư dự kiến là 70% vốn vay và 30% vốn chủ sở hữu. Thời gian nhận giàn dự kiến là sẽ là tháng 10-11/2024. Với giàn mới này, PVD cũng có thỏa thuận cho thuê với khách hàng mới ngay sau khi nhận giàn, giá cho thuê ở mức 100.000 usd/ngày.
- Hoạt động kỹ thuật giếng khoan** dự báo sẽ tốt lên khi các dự án đầu tư thăm dò tìm kiếm dầu khí trong nước tăng lên. Công ty cũng đầu tư giàn khoan mới, thuê giàn khoan ngoài cho các dự án trong nước để gia tăng thêm các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan trong nước.

Kế hoạch hoạt động các giàn khoan của PVD



Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp

Giá cho thuê giàn khoan JU 361-400' khu vực Đông Nam Á



Giá cho thuê giàn khoan tiếp tục tăng cao

- Giá cho thuê giàn khoan JU khu vực Đông Nam Á tiếp tục tăng và chạm mức 150 nghìn usd/ngày trong quý I.2024. ngay tại thị trường trong nước, giá cũng chạm mức 148.000 usd/ngày.
- Khu vực Trung Đông tiếp tục là thị trường thu hút nhu cầu giàn khoan JU khi các hoạt động thăm dò tìm kiếm dầu khí tại khu vực này được thúc đẩy.
- Đầu tư lĩnh vực thượng nguồn dầu khí toàn cầu tiếp tục dự báo tăng lên. JPMorgan mới đây dự báo đầu tư thượng nguồn dầu khí đạt khoảng 555 tỷ USD trong năm 2024 so với mức 490 tỷ USD của năm 2023.

Hoạt động đầu tư thượng nguồn là động lực phát triển trong trung và dài hạn.

- Nhờ giá dầu tăng và giữ ở mức cao, cùng với chiến lược phát triển đảm bảo an ninh năng lượng đất nước, các dự án đầu tư dầu khí trong nước được tập trung thực hiện.
- Dự án khâu thượng nguồn tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong nước cũng được thực hiện. Trong đó có các dự án rất lớn kỳ vọng được thực hiện trong giai đoạn 2023-2027 như Lô B- Ô môn, Nam du U Minh sẽ là động lực phát triển của PVD trong trung và dài hạn.

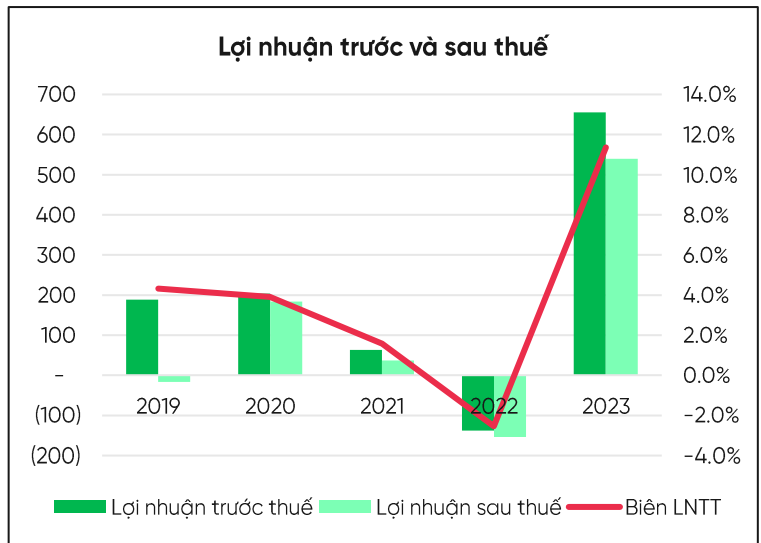
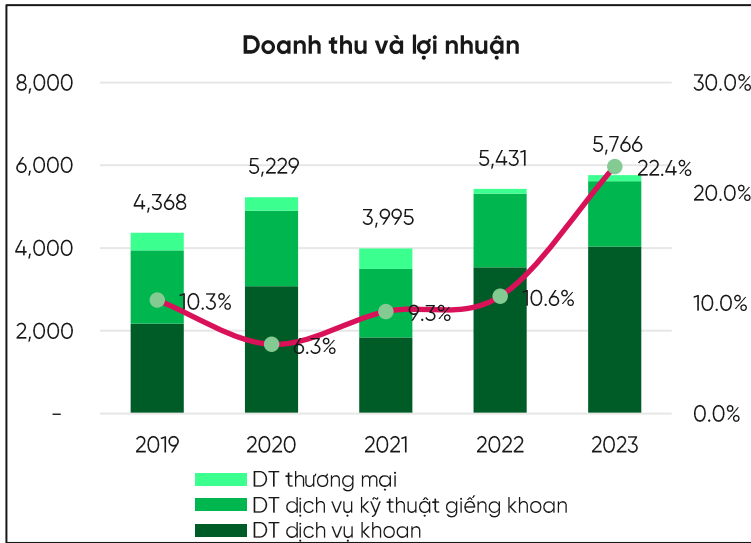
Định giá và Khuyến nghị

PVD đang hưởng lợi từ tình hình sáng sủa của thị trường khoan dầu khí giá cho thuê giàn khoan tiếp tục tăng cao. Tại thị trường khu vực, giá cho thuê giàn khoan tự nâng đã đạt mức 145.000-150.000 usd/ngày. Triển vọng thị trường cho thuê giàn khoan vẫn rất lạc quan giai đoạn 2023-2026.

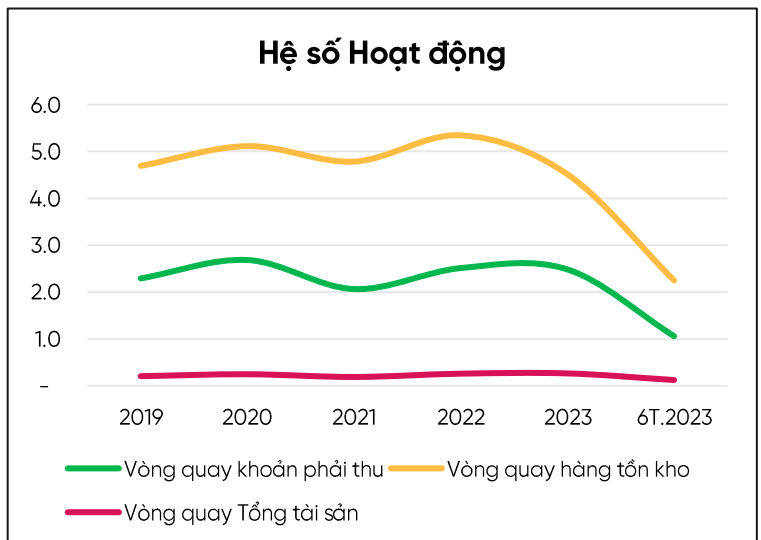
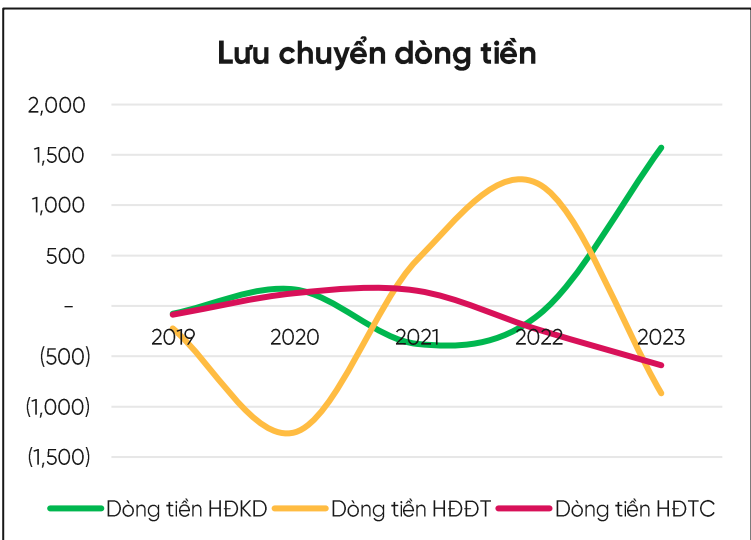
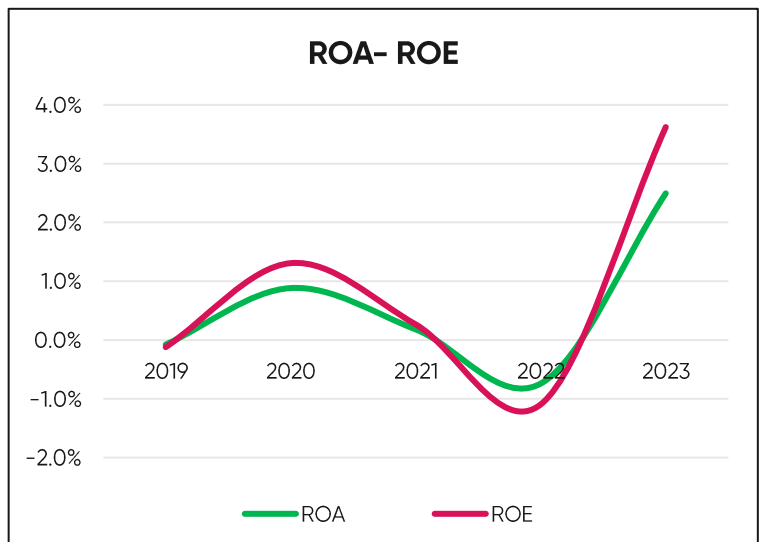
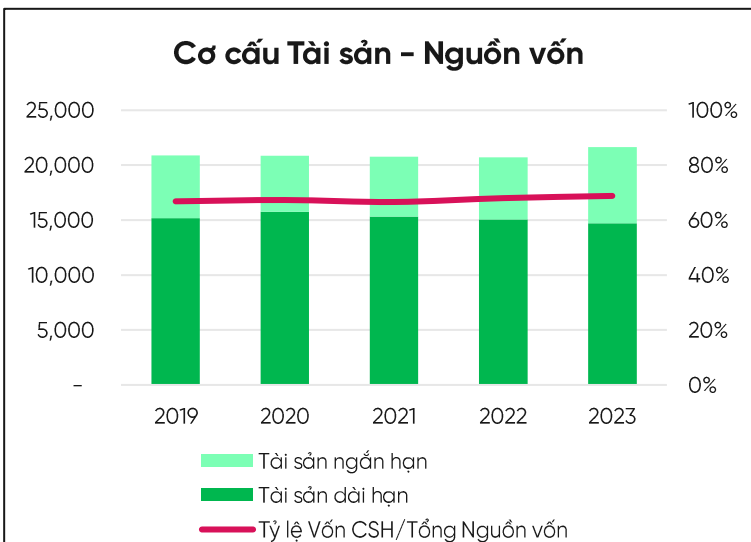
Với kịch bản cho thuê giàn trung bình năm 2024 ở mức 95.000 usd/ngày, tổng doanh thu dự báo đạt mức 7.066 tỷ đồng, doanh thu cho thuê giàn khoan đạt mức 5.026 tỷ đồng, (+24%yoy). Lợi nhuận trước thuế đạt 1.066 tỷ đồng, (+63% yoy). EPS đạt 1.514 đồng/cổ phần.

Định giá theo DCF, giá trị cổ phiếu PVD ở mức 33.500 đồng/cổ phần. Khuyến nghị GIỮ vị thế tại vùng giá hiện tại, xem xét trading ngắn hạn. Cơ hội đầu tư trung và dài hạn rõ ràng hơn khi giá cổ phiếu điều chỉnh về vùng 28.000-29.000 đồng/cổ phần.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Nguồn: BCTC PVD, VPBankS Research tổng hợp

PHỤ LỤC TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh	2022A	2023A	2024F	Lưu chuyển dòng tiền	2022A	2023A	2024F
Doanh thu	5,432	5,810	7,066	Dòng tiền thuần hữ kinh doanh	-83	1,573	1,491
Giá vốn hàng bán	-4,854	-4,510	-5,317	Dòng tiền thuần hữ đầu tư	1,208	-868	-2,159
Lợi nhuận gộp	578	1,300	1,749	Dòng tiền thuần hữ tài chính	-238	-590	1,072
Doanh thu tài chính	118	134	139				
Chi phí tài chính	-313	-392	-325				
Chi phí bán hàng	-18	-24	-25				
Chi phí quản lý d.nghiệp	-493	-520	-565				
Lợi nhuận thuần hữkd	-83	564	1,061				
Lợi nhuận trước thuế	-138	655	1,066				
Lợi nhuận sau thuế	-154	540	853				
Lợi nhuận cơ công ty mẹ	-102	579	842				
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	-52	-39	11				
Tài sản- Nguồn vốn	2022A	2023A	2024F	Hệ số tài chính	2022A	2023A	2024F
Tài sản ngắn hạn	5,646	6,954	7,765	Hệ số hiệu quả			
Tiền tương đương tiền	2,079	2,256	2,660	Biên lợi nhuận gộp	10.6%	22.4%	24.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	424	1,278	1,278	EBITDA Margin	22.3%	37.5%	36.8%
Khoản phải thu	2,163	2,340	2,710	Biên lợi nhuận ròng	-1.9%	10.0%	11.9%
Hàng tồn kho	909	1,000	1,020	ROE	-1.1%	3.6%	5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	71	79	97	ROA	-0.7%	2.5%	3.6%
Tài sản dài hạn	15,058	14,696	15,652	Hệ số tăng trưởng			
Tài sản cố định	13,567	13,115	14,106	Tăng trưởng doanh thu	36.0%	7.0%	21.6%
Tài sản dở dang dài hạn	8	7	50	Tăng trưởng LNTT	-319.3%	575.9%	62.7%
Tài sản dài hạn khác	1,483	1,574	1,495	Tăng trưởng LNST	-610.0%	450.6%	45.5%
Tổng tài sản	20,704	21,650	23,416	Tăng trưởng EPS	-486.4%	667.7%	45.5%
Nợ phải trả	6,625	6,756	7,953	Hệ số thanh khoản			
Nợ phải trả ngắn hạn	2,868	3,176	3,063	Hệ số thanh toán hiện hành	1.97	2.19	2.54
Phải trả người bán ngắn hạn	1,613	2,098	1,894	Hệ số thanh toán nhanh	1.72	1.72	2.20
Vay và nợ ngắn hạn	835	553	603	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.32	0.31	0.34
Phải trả ngắn hạn khác	420	525	565	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.47	0.45	0.51
Nợ phải trả dài hạn	3,757	3,580	4,890	Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	0.56	2.67	4.28
Vay và nợ dài hạn	3,000	2,788	4,138				
Phải trả dài hạn khác	757	792	752				
Vốn chủ sở hữu	14,079	14,894	15,464	Hệ số định giá			
Vốn góp của chủ sở hữu	5,563	5,563	5,563	Lợi suất cổ tức	0.0%	0.0%	1.5%
Quỹ đầu tư phát triển	7,851	8,403	8,403	EPS (VND)	-183	1,041	1,514
Lợi nhuận ST chưa phân phối	436	691	1,255	BVPS (VND)	24,897	25,920	26,925
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	229	237	243				
Tổng nguồn vốn	20,704	21,650	23,416				

Nguồn: BCTC PVD, VPBankS Research tổng hợp

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Khối Nghiên Cứu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Khối Nghiên Cứu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Khối Nghiên Cứu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: research@vpbanks.com

Mã môi giới

116C820618



1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NBT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày 30/10/2024

NHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-18.5	
Cắt B	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt B (1:09%)	18-19	-12%-18%
Chốt B (1:09%)	21-22	-18-37%
NHCP	MVN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt B	Cá (MĐ) ĐC (V) 41-42	
Chốt B	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt B (1:09%)	72-75	-12%-14%
Chốt B (1:09%)	Năm giờ	
NHCP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt B	19.1	-(-4%)
Chốt B (1:09%)	23-24	-7%-12%
Chốt B (1:09%)	25.5-26	-12%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,900 đ
Giá trị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (đồng tiền)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 0% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room